

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO PHỤ NỮ DÂN TỘC KHMER TẠI TỈNH SÓC TRĂNG

ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO
 Trưởng Cao đẳng Nghề Sóc Trăng

Đặt vấn đề

Sóc Trăng có 31% dân số là đồng bào dân tộc Khmer. Nơi đây đã và đang thực hiện nhiều chủ trương, chính sách ưu đãi giúp cho đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer được nâng lên rõ nét. Nhiều đề án về đào tạo nghề cho khu vực nông thôn - nông nghiệp và đồng bào dân tộc đã và đang được triển khai. Tuy nhiên, công tác đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc Khmer nói chung và cho phụ nữ dân tộc Khmer vùng nông thôn của tỉnh Sóc Trăng nói riêng còn gặp nhiều khó khăn, hiệu quả đào tạo nghề và sử dụng nguồn nhân lực nữ dân tộc Khmer của tỉnh còn nhiều hạn chế cần được khắc phục.

1. Thực trạng công tác đào tạo nghề cho phụ nữ dân tộc Khmer

Năm 2011, các cơ sở dạy nghề trong tỉnh Sóc Trăng đã đào tạo sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên cho gần 7.000 học viên là người dân tộc Khmer, trong đó, học viên nữ chiếm 40%. Năm học 2011 - 2012, trong số 2.000 học sinh - sinh viên theo học các lớp trung cấp và cao đẳng nghề của Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng có 10% là nữ dân tộc Khmer. Nhiều chị em Khmer nghèo được học nghề và có ý chí vượt khó, biết tận dụng đất đai, ao hồ của gia đình, biết thay đổi tập quán canh tác cũ, làm thêm các nghề phi nông nghiệp trong thời gian nông nhàn, một số ít chuyển từ nông nghiệp sản xuất nhỏ sang sản xuất hàng hóa nên đã đem lại thu nhập khá cao cho gia đình.

Việc vận động các chị em Khmer tham gia học nghề gặp nhiều trở ngại đáng kể. Nguyên nhân lớn nhất là do hạn chế trong tâm lý nhận thức của chính đối tượng này về học nghề. Vì chưa nhận thức rõ tầm quan trọng và sự cần thiết của việc học nghề nên đa số phụ nữ dân tộc Khmer vẫn chưa hứng thú với việc học tập và áp dụng những tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, dù cách làm nông nghiệp theo kinh nghiệm truyền thống tốn kém nhiều chi phí, tính may rủi trong sản xuất rất cao, hiệu quả thấp và không có tính bền vững.

Bên cạnh đó, người phụ nữ Khmer trước đây đã quen với công việc bếp núc, chăm sóc chồng con hoặc chỉ quanh quẩn với mảnh ruộng, liếp rau nên có tâm lý ngại tham gia học tập đồng người hoặc rất e dè, thụ động trong học tập. Phụ nữ dân tộc Khmer lại thường có tâm lý không muốn rời xa gia đình, không muốn thoát li vùng quê đã gắn bó lâu dài với mình, và không muốn thay đổi cách làm việc tự do trong nông nghiệp. Vì vậy, sau khi đã được đào tạo nghề để chuyển sang hoạt động công nghiệp đòi hỏi tính kỷ luật cao tại các

doanh nghiệp ở những thành phố lớn thì một bộ phận lao động nữ đã tự ý bỏ việc, không đáp ứng được yêu cầu kỷ luật lao động của doanh nghiệp cũng như không làm quen được với nếp sinh hoạt tập thể.

Một nguyên nhân khác là, do đa số phụ nữ dân tộc Khmer có trình độ học vấn phổ thông rất thấp và thấp hơn nam giới nên khả năng tiếp thu rất hạn chế. Chính vì vậy, hầu hết số phụ nữ dân tộc Khmer được đào tạo nghề hằng năm của tỉnh đều chỉ tham gia các lớp đào tạo nghề thường xuyên cho lao động nông thôn.

Những rào cản về ngôn ngữ giữa người dạy và người học làm cho việc tiếp thu kiến thức bị hạn chế cũng là nguyên nhân dẫn đến sự chán nản tham dự các lớp học nghề. Dạy nghề cho nông dân đã khó, dạy nghề cho nông dân là người dân tộc Khmer lại càng khó hơn. Ngay cả đối với nữ học sinh - sinh viên là người dân tộc Khmer học trung cấp nghề, cao đẳng nghề thì khả năng tiếp thu bài và sự năng động tích cực nhìn chung cũng không theo kịp những học sinh - sinh viên khác trong lớp, tỉ lệ bỏ học lại cao hơn so với mặt bằng chung của toàn trường.

Cơ cấu nghề đào tạo cho lao động nữ chưa phù hợp, ít bổ sung các nghề mới theo yêu cầu thị trường nên một bộ phận học viên sau khi học nghề không tìm được việc làm hoặc tìm được việc làm nhưng không đúng với ngành nghề được đào tạo, đầu ra sản phẩm không ổn định. Vì vậy, các lớp dạy nghề chưa thật sự thu hút chị em tích cực tham gia một cách trọn vẹn và hứng thú.

2. Một số giải pháp

Lao động nữ dân tộc Khmer vùng nông thôn là lực lượng có vai trò đặc biệt quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế gia đình và xây dựng nông thôn mới nhưng lại là đối tượng chưa được học nghề nhiều nhất, việc ứng dụng nghề đã học vào thực tế cuộc sống còn hạn chế. Trong khi đó, để thành công trong phát triển nguồn nhân lực phải đảm bảo khai thác hết năng lực của mọi thành viên trong tổ chức, trong cộng đồng, trong đó, một nửa dân số là phụ nữ. Trước thực trạng nêu trên, để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề và sử dụng nguồn nhân lực nữ dân tộc Khmer tại tỉnh Sóc Trăng cần thực hiện những nhóm giải pháp cơ bản như sau:

- Chú trọng công tác tuyên truyền về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc học nghề. Thông qua các sinh hoạt cộng đồng, đoàn thể tăng cường tuyên truyền để thay đổi nhận thức của phụ nữ dân tộc Khmer nói riêng và cả xã hội về ý nghĩa và tầm quan trọng học nghề,



lập nghiệp. Chuyển tải những thông tin, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động đến trực tiếp phụ nữ dân tộc Khmer tại các địa phương cũng như các em học sinh của các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, đặc biệt là các trường dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh. Qua đó, khuyến khích phụ nữ dân tộc Khmer tự tin chọn cho mình một nghề phù hợp với năng lực của bản thân mà xã hội đang cần để học; chọn việc để làm nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần phát triển cộng đồng và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước;

- Sử dụng đồng thời, thường xuyên, liên tục nhiều kênh thông tin tuyên truyền khác nhau như thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, nhờ sự hỗ trợ động viên của các vị sư trong chùa Khmer, xây dựng đội ngũ cộng tác viên tư vấn lưu động đến từng hộ dân ở các xã có đông đồng bào dân tộc Khmer. Đặc biệt, nên phát huy vai trò của hội viên Hội phụ nữ vì đây là những người hiểu rõ hoàn cảnh gia đình, năng lực, tâm tư nguyện vọng của phụ nữ Khmer trong từng phum sóc. Chú ý nêu gương sáng của những phụ nữ dân tộc Khmer trong tỉnh đã thành công trong việc học nghề, lập nghiệp;

- Tạo điều kiện ứng dụng nghề đã học vào mô hình sản xuất tại gia đình: hỗ trợ phụ nữ dân tộc Khmer tham gia học nghề được tiếp cận thông tin về các mô hình kinh tế sản xuất hiệu quả ở nông thôn; đồng thời, tư vấn, hỗ trợ lập nghiệp và khuyến khích động viên chị em khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng ngay tại quê nhà;

- Tư vấn việc làm tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động phù hợp với đối tượng học nghề;

- Kết hợp dạy nghề với dạy văn hóa để người học nghề có thể sống hòa nhập với mọi người trong môi trường lao động mới;

- Tăng cường cơ chế dạy nghề theo đặt hàng nhân lực của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm đảm bảo gắn đào tạo với sử dụng. Bởi vì từ thực tế cho thấy, việc mở ra những khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nhà máy, trang trại làm ăn lớn ở Sóc Trăng thời gian gần đây đã thu hút đông đảo phụ nữ dân tộc Khmer nghèo ở nông thôn;

- Quan tâm đến dạy nghề thường xuyên với thời gian ngắn, bởi vì, để đào tạo đội ngũ công nhân có tay nghề cao phục vụ phát triển kinh tế xã hội, việc mở lớp dạy nghề chính quy dài hạn tại các trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề là rất cần thiết và ngày càng được quan tâm đẩy mạnh. Tuy nhiên, nói đến sự phát triển của nền kinh tế không thể bỏ qua vai trò của những người lao động từ tuổi trung niên trở lên. Chính lực lượng dân số này đóng góp những kinh nghiệm quý báu được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, đặc

biệt, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Hiện nay, trong những lúc nông nhàn, lực lượng này thường bị rơi vào cảnh thất nghiệp. Bên cạnh đó, do hạn chế về trình độ văn hóa phổ thông nên phụ nữ dân tộc Khmer đủ điều kiện vào trung cấp nghề, cao đẳng nghề không nhiều. Vì vậy, cần tăng cường các lớp dạy nghề thường xuyên ngắn hạn như tập huấn kĩ thuật trồng rau sạch, chăn nuôi gia súc - gia cầm, nuôi thủy sản, làm các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, các nghề truyền thống của địa phương sao cho tăng năng suất, chất lượng, không gây nguy hại đến sức khỏe người tiêu dùng và bảo vệ môi trường. Như vậy, đời sống người dân được nâng cao đồng thời giữ được thể cân bằng ổn định giữa ba yếu tố kinh tế - xã hội - môi trường;

- Tổ chức lớp học nghề ngắn hạn bên cạnh nhà chùa sẽ thu hút được nhiều học viên và dễ duy trì sĩ số. Tỉnh Sóc Trăng có đến 90 chùa Khmer theo hệ phái tiểu thừa. Đối với đồng bào dân tộc Khmer, nhà chùa vừa là nơi thiêng liêng, gắn bó với đời sống tâm linh, vừa là nơi dạy chữ Khmer, định hướng đời sống tinh thần, và là tụ điểm sinh hoạt văn hóa - xã hội. Chùa có khuôn viên rộng rãi thoáng mát và có phòng học. Nhiều cuộc họp dân, tiếp xúc cử tri ở vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer cũng được chính quyền địa phương phối hợp với các vị sư tổ chức thành công tại các điểm chùa. Đặc biệt, các vị sư luôn giữ vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống tình cảm, tinh thần của bà con dân tộc Khmer và rất quan tâm đến đời sống của bà con bốn sóc. Những lời giáo huấn của các vị được bà con lưu tâm thực hiện. Vì vậy, thiết nghĩ việc kết hợp với nhà chùa để tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn ngay trong khuôn viên chùa cho đồng bào dân tộc Khmer sẽ thu hút và duy trì được sĩ số học viên so với việc mở lớp tại các trung tâm xã, ấp. Sau khi hướng dẫn về lí thuyết, thực hành cơ bản giản đơn và phù hợp tại các lớp học ở điểm chùa, phần thực hành trên thực địa sẽ diễn ra ở ngay trong các cơ sở, trên mảnh vườn, đồng ruộng, ao cá, chuồng trại của người dân. Như vậy, lớp học nghề trở nên gần gũi, thân quen, rất phù hợp với đặc điểm tâm lí, tình cảm và điều kiện học tập của người học;

- Quan tâm đến ngôn ngữ dân tộc Khmer trong dạy nghề. Hiện nay, rất ít giáo viên dạy nghề biết tiếng Khmer. Vì vậy, các lớp dạy nghề đều chỉ dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt. Điều này ảnh hưởng nhiều đến mức độ tiếp thu của người học. Để khắc phục hạn chế này, những tài liệu dạy nghề phát tay cho người học cần sử dụng chủ yếu là hình ảnh minh họa, sơ đồ, đồng thời, dịch tóm tắt ra chữ Khmer các khái niệm, quy trình kĩ thuật sao cho dễ hiểu, dễ nhớ nhất. Bên cạnh đó, cần thu hút, sử dụng giáo viên dạy nghề là người dân tộc Khmer như học sinh - sinh viên dân tộc Khmer tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề; đặc biệt, nên có chế độ cử tuyển đào tạo học sinh các trường phổ

thông dân tộc nội trú và những vị sư hoàn tục đã từng học Trường Bồ tát văn hoá - Pali Nam Bộ vì hai nhóm đối tượng này biết nói, đọc và viết tốt cả hai thứ tiếng Việt và Khmer; xây dựng đội ngũ trợ giảng chính từ những người dân địa phương biết chữ Khmer. Những biện pháp này sẽ hạn chế rào cản ngôn ngữ giữa người dạy và người học.

Kết luận

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc Khmer của tỉnh Sóc Trăng tuy còn nhiều khó khăn, thách thức song đã có chiều hướng tích cực và những bước tiến đáng kể, nhưng vẫn chưa đạt hiệu quả mong muốn. Thực hiện đồng bộ những nhóm giải pháp nêu trên, chúng ta sẽ nâng cao được hiệu quả đào tạo nghề và sử dụng nguồn nhân lực nữ Khmer, góp phần thực hiện thắng lợi chiến lược “Tăng trưởng kinh tế gắn với xóa đói giảm nghèo” và đảm bảo công bằng xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng, *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XII, nhiệm kì 2010 - 2015*, 2010.
2. Đỗ Thị Hôi, *Kinh nghiệm cơ sở về giải pháp nâng*

cao chất lượng nguồn nhân lực người dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Hội thảo Giải pháp cải thiện nguồn nhân lực người dân tộc Khmer vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, 2009.

3. Hội Dạy nghề Việt Nam, *Tăng cường văn hóa nghề thúc đẩy việc làm bền vững*, NXB Lao động, Hà Nội, 2011.

4. Phùng Rân, *Tổng quan về người Khmer Nam bộ*, Hội thảo Giải pháp cải thiện nguồn nhân lực người dân tộc Khmer vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, 2009.

5. Trung tâm dạy nghề huyện Vĩnh Châu, *Báo cáo tham luận về mô hình dạy nghề cho đồng bào dân tộc Khmer và công tác xuất khẩu lao động*, 2011.

6. UBND tỉnh Sóc Trăng, *Báo cáo sơ kết công tác dạy nghề, giải quyết việc làm 6 tháng đầu năm và các giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2011*, 2011.

SUMMURY

The article has provided an overview of actual status of vocational training for Khmer women in Soc Trang province, which has numerous limitations. Based on this, the article suggested some key solutions for enhancing effectiveness and efficiency of vocational training and use of Khmer female workers in this province.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN... (Tiếp theo trang 44)

lượng là điều cần thiết trên tiến trình tự đổi mới, hoàn thiện ngành sư phạm;

- Đổi mới mục tiêu, nội dung các chuyên đề bồi dưỡng thường xuyên và phương pháp bồi dưỡng thường xuyên trong dịp hè cho GV các bậc học trong toàn quốc. Chuẩn nghề nghiệp GV là mục tiêu của công tác bồi dưỡng, hiệu quả của công tác bồi dưỡng GV phải đáp ứng mục tiêu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng GV, phù hợp với những yếu kém cần khắc phục của GV từ các địa phương.

- + Đối với Sở GD và ĐT, phòng GD và ĐT và các cơ sở giáo dục:

- Căn cứ vào thực trạng đánh giá GV theo chuẩn để xây dựng kế hoạch chỉ đạo các trường tổ chức bồi dưỡng các mặt còn yếu của GV. Đồng thời phối hợp với các trường SP mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hiệu quả cho GV trong toàn ngành;

- Hiệu trưởng các trường PT phải tổ chức đánh giá đúng chất lượng GV của trường mình, đặc biệt cần tạo điều kiện cho GV có nhu cầu tự đánh giá năng lực bản thân theo chuẩn. Điều quan trọng là phải giúp GV có kĩ năng tạo ra và sử dụng được các minh chứng - một trong các kĩ thuật then chốt trong thang đo của chuẩn nghề nghiệp GV, làm cơ sở cho công tác ĐT, BD GV đúng Chuẩn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo, Đỗ Quốc Anh, Đinh Thị Kim Thoa, *Cẩm nang nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ GV*, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội, 2007.

2. Bộ GD&ĐT, *Tài liệu Hướng dẫn áp dụng Chuẩn nghề nghiệp GV trung học vào đánh giá GV*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2011.

3. Nguyễn Lâm Điền, *Những thách thức mới trong đào tạo GV THPT*, Tạp chí Giáo dục, số 268/2011.

4. Phạm Minh Hùng, *Đổi mới công tác đào tạo GV THPT trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Giáo dục, số 262/2011.

5. Nguyễn Sỹ Thư, *Chuẩn GV THCS - vấn đề đặt ra đối với công tác đào tạo và bồi dưỡng GV*, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội - Chuyên san KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội - Tập XX, Số 3PT., 2004, tr.69 - tr.74.

SUMMARY

In order to ensure sustainable effectiveness and efficiency of teaching training in support of standardization, a combination of three forces is required, i.e. training of standard and above-standard teachers in teaching training institutions; upgrading of teachers to achieve qualifications in educational institutions and self-training to live up to standards among teachers themselves.